

V/v mời chào giá

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam.

Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: “Mua sắm Trang thiết bị y tế phòng mổ năm 2026”, với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Đoàn Văn Thọ, nhân viên Phòng Vật tư thiết bị Y tế, Số đt: 0909.281.995.
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: **Phòng Vật tư thiết bị Y tế - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy** (Địa chỉ: Số 398, đường Quốc lộ 1, khu phố 1A, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp).
 - Nhận qua đường bưu điện gửi về địa chỉ: **Phòng Vật tư thiết bị Y tế - Bệnh viện Đa khoa Khu vực Cai Lậy** (Địa chỉ: Số 398, đường Quốc lộ 1, khu phố 1A, phường Cai Lậy, tỉnh Đồng Tháp).
 - Nhận qua email: **cailay.bvdkkv@dongthap.gov.vn**
- Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 25 tháng 5 năm 2026

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu **180 ngày**.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Nội dung mời chào giá:
(*Danh mục hàng hóa đính kèm*)

- Biểu mẫu chào giá: Theo mẫu đính kèm

Rất mong sự hợp tác của Quý doanh nghiệp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng CNTT (để đăng tải);
- Lưu: VT, VTTBYT.

Q. GIÁM ĐỐC

DANH MỤC HÀNG HÓA*(Kèm theo công văn số: 956/BVĐKCL-VTTBYT ngày 13 tháng 5 năm 2026)*

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
1	Máy gây mê	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Hàng mới 100% - Xuất xứ : Các nước G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Nguồn điện cung cấp: 220V ($\pm 10\%$) ~ 50Hz - Môi trường hoạt động: - Nhiệt độ tối đa: $\geq 40^{\circ}\text{C}$ - Độ ẩm tối đa: $\geq 95\%$ <p>2. Cấu hình cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính kèm phụ kiện tích hợp: 01 máy - Bộ dây nguồn khí: > 01 bộ (01 bộ dây khí nén, 01 bộ dây oxy) - Bộ trộn khí điện tử cho O2 và air: 01 bộ - Van thở vào - Van thở ra - Cảm biến lưu lượng sử dụng nhiều lần: ≥ 02 cái - Bộ hấp thụ CO2 kèm bình vôi soda sử dụng nhiều lần: ≥ 01 bộ - Bình bốc hơi: > 01 bình - Khối đo và theo dõi khí mê và CO2: ≥ 01 bộ - Bộ thải khí mê: 01 bộ 	Cái	02

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> - Mặt nạ người lớn sử dụng nhiều lần: ≥ 01 cái - Dây gây mê người lớn, sử dụng nhiều lần: ≥ 01 cái - Bóng bóp người lớn: ≥ 01 cái - Pin ≥ 01 bộ - Phổi giả ≥ 01 cái - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng anh và Tiếng Việt (nếu có). <p>3. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng được cho bệnh nhân người lớn, trẻ em và sơ sinh - Máy có chức năng hỗ trợ gây mê dòng thấp - Màn hình cảm ứng kích thước ≥ 15 inch - Màn hình xoay độc lập với máy chính để điều chỉnh góc quan sát - Màn hình hiển thị đồng thời được ≥ 03 đồ thị dạng sóng - Có van giới hạn áp lực điều chỉnh áp lực từ ≤ 1 tới ≥ 60 cmH₂O - Tổng thể tích hệ thống thở, bao gồm cả bình hấp thụ CO₂ và bóng bóp ở chế độ thở máy ≤ 3.1 lít - Tổng thể tích hệ thống thở, bao gồm cả bình hấp thụ CO₂ và bóng bóp ở chế độ bóng bóp ≤ 1.6 lít - Có khe cắm cho phép người dùng tự tháo lắp và chuyển đổi khối đo khí mê - Lưu lượng khí được hiển thị trên màn hình chính: <ul style="list-style-type: none"> + Dải lưu lượng khí sạch/khí tươi của Oxy điều chỉnh từ ≤ 100 mL/phút đến ≥ 15 L/phút + Dải lưu lượng khí sạch/khí tươi của khí nén (Air) điều chỉnh từ ≤ 100 mL/phút đến ≥ 15 L/phút 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> - Phải đo được thông số áp lực đẩy - Pdrive - Cảm biến lưu lượng công nghệ chênh áp hấp tiết trùng được - Bình hấp thụ CO₂ có sức chứa trong phạm vi từ ≥ 1200 ml - Cổng thải khí mê thừa AGSS cắm được vào hệ thống thải khí trung tâm của bệnh viện <p>Lắp đồng thời được ≥ 02 bình bốc hơi.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng dung tích thuốc mê chứa trong bình bốc hơi ≥ 300ml - Có chức năng kiểm tra rò rỉ khí của bình bốc hơi - Hệ thống cung cấp khí Oxy phụ trợ có dải điều chỉnh từ 0 tới ≥ 8 L/phút. - Có hệ thống thoát khí phụ trợ tích hợp (ACGO) - Pin dự phòng dùng được ≥ 90 phút. - Xe đẩy chuyên dụng phù hợp với hãng sản xuất máy - Khối đo khí mê và EtCO₂ - Đưa dữ liệu từ máy gây mê lên monitor tương thích - Đo được các loại khí mê, CO₂ (EtCO₂, FiCO₂); O₂ (EtO₂, FiO₂); N₂O. - Khí CO₂: <ul style="list-style-type: none"> + Theo dõi EtCO₂ và FiCO₂ + Dạng sóng CO₂ + Dải đo: từ 0 tới $\geq 10\%$ + Loại cảm biến: cảm biến hồng ngoại hoặc tương đương + Thay đổi được cảnh báo cao/thấp EtCO₂ và FiCO₂ - Khí O₂: <ul style="list-style-type: none"> + Cảm biến O₂ sử dụng công nghệ thuận từ hoặc công nghệ không suy giảm tuổi thọ khác 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> + Theo dõi nồng độ EtO₂ + Nồng độ FiO₂ + Hiệu số FiO₂-EtO₂ + Dải đo: từ 0 tới $\geq 100\%$ + Điều chỉnh được giới hạn cảnh báo cao-thấp EtO₂ và FiO₂ - Thuốc mê (AA): <ul style="list-style-type: none"> + Dải đo Halothane, Isoflurane, Enflurane từ 0 tới $\geq 5\%$ + Dải đo Sevoflurane từ 0 tới $\geq 5\%$ + Dải đo Desflurane từ 0 tới $\geq 15\%$ + Hiện thị được dạng sóng của khí mê + Hiện thị được thông số MAC + Phát hiện được hỗn hợp khí + Điều chỉnh được giới hạn cảnh báo cao-thấp EtAA và FiAA + Ngưỡng xác định: $\leq 0,15 \text{ vol}\%$ Yêu cầu về chức năng cài đặt: <ul style="list-style-type: none"> - Cấp O₂ nhanh từ ≤ 30 tới ≥ 70 L/phút - Dải lưu lượng bù từ ≤ 100 mL/phút tới ≥ 15 L/phút. - Dải hoạt động của van dòng chảy từ ≤ 1 tới ≥ 120 L/phút. - Có khả năng bù tự động thất thoát do nén tạo ra bởi bình hấp thụ CO₂ và bóng xếp. - Có chế độ kiểm soát bằng tay (Manual) - Có chế độ kiểm soát thể tích (VCV) có tính năng bù thể tích khí lưu thông - Có chế độ kiểm soát áp lực (PCV) - Có chế độ kiểm soát áp lực, đảm bảo thể tích (PCV-VG) 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> - Có chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát thể tích (SIMV VC) - Có chế độ thở cưỡng bức ngắt quãng đồng bộ SIMV kiểm soát áp lực (SIMV PC) - Có chế độ thở hỗ trợ áp lực PSV với dự phòng ngừng thở - Thể tích khí lưu thông Vt: ≤ 5 tới ≥ 1500 mL - Dải thông khí phút: ≤ 0.1 tới ≥ 99 L/phút - Dải áp lực hít vào từ ≤ 5 tới ≥ 50 cmH₂O - Dải giới hạn áp lực từ ≤ 15 tới ≥ 100 cmH₂O - PEEP từ ≤ 5 tới ≥ 30 cmH₂O - Dải áp lực hỗ trợ từ ≤ 5 tới ≥ 40 cmH₂O - Tần số thở từ ≤ 5 đến ≥ 100 nhịp/phút đối với chế độ kiểm soát thể tích và kiểm soát áp lực - Tần số thở từ ≤ 2 tới ≥ 60 nhịp/phút đối với chế độ SIMV, PSV - Tỷ lệ I:E từ $\leq 1:2$ tới $\geq 2:1$ - Thời gian hít vào từ ≤ 0.2 tới ≥ 5 giây - Độ nhạy trigger dòng từ ≤ 0.2 tới ≥ 10 L/phút - Ngưỡng ngắt kỳ thở vào từ ≤ 5 tới $\geq 70\%$ - Thời gian ngưng kỳ thở vào từ ≤ 5 tới $\geq 50\%$ <p>Yêu cầu về các thông số theo dõi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông khí phút từ ≤ 0.1 tới ≥ 99 L/phút - Thể tích khí lưu thông từ ≤ 1 tới ≥ 9000 ml - Theo dõi nồng độ % Oxy từ ≤ 5 tới ≥ 100 % - Áp lực từ ≤ -20 tới ≥ 100 cmH₂O <p>Yêu cầu về chức năng cảnh báo an toàn:</p>		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> - Thể tích thông khí thấp và cao - Thông khí phút (VE) thấp và cao - Báo động ngừng thở - Áp lực thấp và cao - Nồng độ % FiO2 thấp và cao <p>4. Các yêu cầu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu thiết bị, bảo trì định kỳ trong thời gian bảo hành - Khi bàn giao thiết bị phải được kiểm định an toàn và tính năng kỹ thuật theo đúng quy định của BHYT - Lắp đặt, chạy thử tại cơ sở sử dụng máy - Cam kết hướng dẫn sử dụng, vận hành thiết bị đến khi thành thạo. 		
2	Bàn mổ vụn năng thủy lực	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Hàng mới 100% - Xuất xứ : Các nước G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Nguồn điện cung cấp: 220V ($\pm 10\%$) ~ 50Hz <p>2. Cấu hình cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thân bàn chính bao gồm cột trụ bàn, mặt bàn cho phép trượt dọc: 01 bộ - Bộ điều khiển cầm tay: 01 bộ - Bộ điều khiển tích hợp gắn ở thân bàn: 01 bộ 	Cái	02

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> - Bộ nệm chính hãng: 01 bộ - Bộ đỡ lưng: 01 bộ - Bộ đỡ đầu: 01 bộ - Bộ đỡ chân, có thể tách rời (02 cái/bộ): 01 bộ - Bộ đỡ tay kèm nệm (02 cái/bộ): 01 bộ - Ấc quy tích hợp sẵn trong đế bàn: 01 bộ - Khung màn che gậy mê: 01 bộ <p>3.Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Điều khiển bằng tay và tự động các chuyển động: lên xuống nâng hạ bàn, nghiêng bàn trái/phải, nghiêng Trendelenburg thuận/đảo, nâng hạ tấm đỡ lưng, trượt dọc và mở/ Khóa cố định bàn xuống sàn. - Tấm đỡ đầu và tấm đỡ chân: Tháo rời và hoán đổi vị trí cho nhau - Tấm đỡ lưng tháo ra để dễ dàng vệ sinh và bảo dưỡng - Bàn chịu được tải trọng tổng cộng tối đa $\geq 240\text{kg}$ - Chức năng tự động tắt nguồn sau 10 giây (± 2 giây) của bộ điều khiển cầm tay giúp tránh vận hành sai. - Mở/ khóa cố định bàn xuống sàn - Tính năng an toàn: bộ điều khiển cầm tay sẽ không thể điều khiển khi bàn mở chưa được cố định trên sàn - Có nút điều khiển bàn trở về vị trí cân bằng theo chiều ngang từ các tư thế: nghiêng 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<p>Trendelenburg thuận/đảo, nghiêng hai bên, gập hông.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có bộ điều khiển tích hợp gắn ở thân bàn - Bộ điều khiển cầm tay điều khiển được các chức năng: <ul style="list-style-type: none"> + Chuyển động lên xuống nâng hạ bàn + Nghiêng Trendelenburg thuận và đảo + Nghiêng mặt bàn sang hai bên + Điều khiển nâng/hạ phần lưng + Trượt dọc + Mở/ Khóa cố định bàn xuống sàn - Kích thước mặt bàn: 500 mm x 1970 mm ($\pm 20\%$) - Thay đổi chiều cao từ 680 mm đến 1060 mm ($\pm 20\%$) - Góc Trendelenburg thuận/đảo: $25^\circ/25^\circ$ - Góc nghiêng bàn sang 2 bên: $\pm 25^\circ$ - Góc gập lên/xuống của phần đỡ lưng: $+ 90^\circ/- 45^\circ$ - Góc gập lên/xuống của phần đỡ đầu: $+ 45^\circ/- 90^\circ$ - Góc gập lên/xuống của phần đỡ chân: $+ 18^\circ/- 90^\circ$ - Góc mở của tấm đỡ chân: $130^\circ (\pm 10\%)$ - Trượt dọc 500 mm, 200 mm về phía đầu và 300 mm về phía chân ($\pm 20\%$) <p>4. Các yêu cầu khác:</p>		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		- Thời hạn bảo hành: \geq 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu thiết bị.		
3	Đèn mô treo trần	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Hàng mới 100% - Xuất xứ : Các nước G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Nguồn điện cung cấp: 220V (\pm10%) ~ 50Hz <p>2. Cấu hình cung cấp:</p> <p>Đèn mô treo trần 2 nhánh đèn LED kèm phụ kiện bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bộ gia cố treo trần: 01 bộ - Hệ thống cánh tay treo trần gắn đèn: 02 cái - Bóng đèn LED cường độ sáng \geq 160.000lux: 02 cái - Tay nắm tiết trùng cho đầu đèn: 04 cái - Thân đèn (trụ đèn): 01 cái - Bộ nguồn cấp cho 2 đầu đèn: 01 bộ - Bộ điều khiển trên đầu đèn: 02 bộ <p>3. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu chóa đèn làm bằng nhựa polycarbonate - Sử dụng công nghệ nguồn sáng đèn HD-LED - Tay cầm trên đầu đèn có chức năng tháo rời và hấp tiết trùng 	Cái	02

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> - Có bảng điều khiển gắn trên đầu đèn loại nút bấm với các chức năng: <ul style="list-style-type: none"> + Dùng để bật/tắt đèn, có chế độ phẫu thuật nội soi + Điều chỉnh cường độ sáng + Điều chỉnh nhiệt độ màu + Điều chỉnh kích thước trường sáng - Hạn chế tối đa độ nhiễu loạn luồng khí và độ tăng nhiệt. -Không phát ra tia UV - Có chức năng Kiểm soát cân bằng đỏ - Công nghệ Chùm tia rộng, đảm bảo chùm ánh sáng lớn nhất, các trường được chiếu sáng lớn hơn và nhiều ánh sáng hơn trên toàn bộ chiều rộng của vùng được chiếu sáng. - Công nghệ Vùng sáng đậm, tạo ra một vùng sáng trung gian mang đến sự thay đổi dần dần về độ tương phản giữa khu vực được chiếu sáng bởi đèn phẫu thuật và ánh sáng chung của phòng mổ, giúp giảm mỏi mắt. - Đèn được thiết kế dễ dàng làm sạch, đầu đèn kín, có lớp phủ chống khuẩn. <p>Thông số kỹ thuật cho mỗi nhánh:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Đầu đèn nhánh 1 <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính đầu đèn: 630 mm ($\pm 10\%$) + Cường độ sáng tại khoảng cách 1m: Tối đa ≥ 160.000 Lux <p>Cường độ sáng có dải phạm vi điều chỉnh được trong khoảng từ 8.000 đến 160.000 Lux (5-100%)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính trường sáng D10 tại khoảng cách 1m: 220 - 426 mm 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> + Đường kính trường sáng D50 tại khoảng cách 1m: 128- 212 mm + Nhiệt độ màu có phạm vi điều chỉnh trong khoảng Từ 3.1000K - 5.0000K + Tuổi thọ bóng LED: ≥ 60.000 giờ + Độ sâu trường sáng: ở mức 60% là $\geq 700\text{mm}$; ở mức 20% là $\geq 1300\text{mm}$ + Có chế độ nội soi + Số lượng LED: ≥ 90 bóng/đầu đèn + Điện năng tiêu thụ: ≤ 60 W <p>- Đầu đèn nhánh 2</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đường kính đầu đèn: 480 mm ($\pm 10\%$) + Cường độ sáng tối đa: ≥ 160.000 Lux + Số lượng bóng LED: ≥ 35 bóng + Tuổi thọ bóng LED: ≥ 60.000 giờ. + Đường kính trường sáng (d10 khoảng cách 1m): Từ 164 - 294mm + Đường kính trường sáng (d50 khoảng cách 1m): Từ 83 - 122mm + Nhiệt độ màu (5 mức điều chỉnh): Từ 3.1000K - 5.0000K + Điện năng tiêu thụ: ≤ 25 W <p>Hệ thống cánh tay:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cánh tay có khớp nối với khả năng xoay 360° - Góc nâng/hạ cánh tay: $-70^\circ/+45^\circ$ <p>4. Yêu cầu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
04	Máy phun khử khuẩn	<p>1. Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Xuất xứ máy chính: các nhóm nước G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Hàng mới 100% - Điện áp sử dụng: 220V ($\pm 10\%$), ~ 50Hz. <p>2. Cấu hình cung cấp :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính: 01 cái - Bình chứa dịch: 01 cái - Hóa chất phun: 01 chai - Xe đẩy: 01 cái - Hướng dẫn sử dụng tiếng Việt + tiếng Anh (Nếu có): 01 bộ <p>3. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công nghệ để gia nhiệt và ion hóa mạnh nhằm chuyển hóa dung dịch khử khuẩn thành dạng sương cực kỳ khô. - Sản xuất $\geq 90\%$ hạt sương có đường kính $\leq 5\mu$ phân bố đồng nhất trong phòng, bão hòa trong không khí và bao phủ mọi bề mặt. - Chức năng thời gian chờ kích hoạt ≥ 30 giây để người sử dụng ra khỏi phòng. - Chức năng tự động tắt máy khi hoàn thành chương trình phun. - Chức năng giám sát lượng dung dịch trong bình bằng cảm biến và có cảnh báo hết 	Cái	01

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<p>dung dịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức tiêu hao dung dịch khử khuẩn (≤ 0.5 ml/ m³) - Khả năng khử khuẩn lên đến ≥ 2.000 m³ chỉ với thời gian ≤ 45 phút. - Tích hợp cổng USB truy xuất dữ liệu, cho phép in và báo cáo kết quả phun khử khuẩn. - Công suất tiêu thụ của hệ thống: ≤ 1kW. - Tốc độ phun sương: ≤ 80 - ≥ 120 m/giây. - Kích thước hạt sương: ≤ 2 – ≥ 4 micron. - Lưu lượng phun trung bình: ≥ 2.000ml/ giờ. - Thể tích khuếch tán tối đa: ≥ 2.000m³. - Mức sử dụng dung dịch tối đa: ≥ 22ml/ phút. - Tùy chỉnh nồng độ phun: ≥ 06 mức - Thể tích khử khuẩn: ≤ 10 – ≥ 2.000 m³ <p>4. Yêu cầu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu thiết bị. 		
05	Máy siêu âm	<p>1.Yêu cầu chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2026 trở về sau - Hàng mới 100% - Xuất xứ : Các nước G7 - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 - Nguồn điện cung cấp: 220V ($\pm 10\%$) ~ 50Hz <p>2.Cấu hình cung cấp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy chính dạng xe đẩy kèm phụ kiện tiêu chuẩn của nhà sản xuất: 01 máy 	Cái	01

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> - Đầu dò Convex đa tần dùng cho thăm khám bụng: 01 Chiếc - Đầu dò Linear đa tần dùng cho thăm khám mạch máu, phần nhỏ, bụng: 01 Chiếc - Đầu dò Tim dùng cho thăm khám tim, xuyên sọ: 01 Chiếc - Phần mềm siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm hỗ trợ đầu dò Convex, Linear: 01 bộ - Phần mềm siêu âm đàn hồi mô kèm phần mềm phân tích định lượng hỗ trợ đầu dò Convex, Linear: 01 bộ - Phần mềm siêu âm Doppler liên tục: 01 bộ - Máy in nhiệt đen trắng kèm 01 cuộn giấy in: 01 chiếc - Máy in màu A4: 01 chiếc - Bộ máy vi tính: 01 Bộ - Bộ lưu điện 1KVA: 01 chiếc - Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh (nếu có): 01 Bộ <p>3. Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy siêu âm Doppler màu dùng cho thăm khám Ổ bụng, tim mạch, sản khoa, phụ khoa, niệu khoa, nhi khoa, sơ sinh, các phần nông nhỏ, cơ xương khớp, đàn hồi mô. - Có các phương pháp quét: Convex điện tử; Linear điện tử, Sector điện tử - Màn hình điều khiển: Màn hình LCD, cảm ứng, kích thước ≥ 10 inchs - Màn hình kích thước ≥ 23 inchs, có giá đỡ màn hình dạng cánh tay - Số ổ cắm đầu dò hoạt động (không tính đầu dò bút chì): ≥ 03 cổng - Dung lượng ổ cứng trong: là loại SSD dung lượng ≥ 500 GB - Bộ nhớ ảnh trên ổ cứng: ≥ 340 GB - Bộ nhớ CINE: ≥ 770 MB hoặc 80,000 ảnh hoặc 300 giây - TGC và bàn phím ký tự: dạng số hóa điều khiển qua màn hình cảm ứng đa chạm 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> - Tích hợp bộ làm âm Gel siêu âm B-mode <ul style="list-style-type: none"> - Hòa âm mô: công nghệ mã hóa M-mode -Mode dòng chảy màu - Mode Doppler năng lượng với bản đồ định hướng - Mode Doppler xung với tần số lặp xung cao - Mode Doppler liên tục CW Chức năng tạo hình: <ul style="list-style-type: none"> - Độ sâu hiển thị ảnh ≥ 45 cm - Tốc độ khung hình: ≥ 2800 khung hình/giây - Số kênh xử lý số hóa: $\geq 7.000.000$ kênh - Dải động hệ thống: ≥ 380 dB - Số chùm tia siêu âm thu nhận đồng thời: ≥ 4 - Thang xám: ≥ 256 mức - Hình ảnh hòa âm mô: Dùng công nghệ mã hóa - Tự động tính toán phổ Doppler thời gian thực Phần mềm Doppler tự động: <ul style="list-style-type: none"> + Tự động định vị và lái hộp ROI trong doppler màu + Tự động điều chỉnh góc doppler trong mode doppler xung -Tối ưu hóa chất lượng hình ảnh tự động - Kỹ thuật lưu trữ, xử lý và phân tích dữ liệu thô Các thông số quét: 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<p>-Thông số quét của Mode B:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khoảng điều chỉnh độ khuếch đại: ≥ 40 dB + Dải động: $\leq 40 - \geq 80$ dB + Bản đồ mức thang xám: ≥ 07 loại + Bản đồ màu: ≥ 9 loại + Mật độ dòng: ≥ 3 bước + Triệt nhiễu: ≥ 5 bước <p>- Thông số quét của Mode M:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khoảng điều chỉnh độ khuếch đại: ≥ 40 dB + Bản đồ mức thang xám: ≥ 7 loại + Tốc độ quét: Tốc độ quét: ≥ 8 bước hoặc từ ≤ 8 mm/s đến ≥ 200 mm/s + Màu hóa Mode M: ≥ 9 loại <p>- Thông số quét của Mode dòng chảy màu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đảo phở: On/Off + PRF: khoảng $\leq 0.2 - \geq 23$ kHz + Khoảng điều chỉnh độ khuếch đại: ≥ 40 dB + Tần số có thể lựa chọn (với một đầu dò và tùy đầu dò) tối đa ≥ 5 bước <p>- Thông số quét ảnh chế độ Doppler năng lượng</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tần số lặp xung (PRFs): khoảng $\leq 0.2 - \geq 23$ kHz + Khoảng điều chỉnh độ khuếch đại: ≥ 40 dB <p>-Có chế độ Lọc thành</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tần số có thể lựa chọn (với một đầu dò và tùy đầu dò) tối đa lên đến ≥ 5 bước, phụ thuộc đầu dò 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> - Hình ảnh hòa âm mô: <ul style="list-style-type: none"> + Thể hiện trên tất cả các đầu dò + Tần số: lên đến ≥ 4 bước, phụ thuộc đầu dò - Thông số quét của Mode Doppler xung <ul style="list-style-type: none"> + Khoảng điều chỉnh độ khuếch đại: ≥ 60 dB + Tốc độ quét PW: ≥ 8 bước + Lọc thành: $\leq 5.5 - \geq 4300$ Hz, tùy thuộc vào đầu dò và ứng dụng + Tần số lặp xung PRF: $\leq 0.5 - \geq 26$ kHz - Mode doppler liên tục <ul style="list-style-type: none"> + Đảo phổ: bật/tắt + Lọc thành: $\leq 40 - \geq 4300$ Hz, phụ thuộc vào đầu dò và ứng dụng + PRF: $\leq 2 - \geq 48.0$ kHz - Hình ảnh siêu âm đàn hồi mô <ul style="list-style-type: none"> + Đầu dò hỗ trợ: Convex, Linear (tùy thuộc mã đầu dò) - Thông số mode siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm <ul style="list-style-type: none"> + Đầu dò hỗ trợ: Convex, Linear (tùy thuộc mã đầu dò) + Đơn vị đo: kPa và m/s + Hiển thị hình đơn và hình đôi + Có bản đồ kiểm soát chất lượng phép đo - Các chức năng đo đặc: <ul style="list-style-type: none"> Tính toán các thông số Doppler <ul style="list-style-type: none"> + Đo đặc/ Tính toán trong sản khoa + Đo đặc / Tính toán Phụ khoa 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> + Đầy đủ các phép đo cơ bản: khoảng cách, chu vi, thể tích, diện tích, nhịp tim + Các phép đo trong siêu âm mạch máu + Đo và tính toán niệu khoa + Đo đặc và tính toán trong siêu âm tim - Các thông số kết nối <ul style="list-style-type: none"> + Chuẩn kết nối: DICOM 3.0 Khả năng kết nối: <ul style="list-style-type: none"> + Cổng kết nối USB: ≥ 7 cổng + Kết nối mạng Ethernet (RJ45) Thông số của đầu dò: <ul style="list-style-type: none"> -Đầu dò Convex đa tần: <ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng: Ổ bụng, sản, phụ khoa, mạch máu, niệu khoa + Làm được siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm + Dải tần: $\leq 1.5 - \geq 6$ MHz + Số chấn tử: ≥ 192 + FOV: $\geq 70^\circ$ - Đầu dò Linear đa tần: <ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng: mạch máu, các bộ phận nhỏ, ổ bụng. + Làm được siêu âm đàn hồi mô định lượng đa điểm + Dải tần: $\leq 4 - \geq 12$ MHz + Số chấn tử: ≥ 192 + FOV: ≥ 38.4 mm - Đầu dò tim Sector: 		

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Số lượng mua sắm
		<ul style="list-style-type: none"> + Ứng dụng: Tim, Xuyên sọ + Dải tần: $\leq 1 - \geq 5$ MHz + Số chân tử: ≥ 64 + FOV (Max): ≥ 90 độ <p>Máy tính, máy in:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Máy vi tính: <ul style="list-style-type: none"> + CPU: Là loại Core i3 trở lên + RAM: ≥ 4GB + Ổ cứng: ≥ 200GB + Bàn phím, chuột quang + Màn hình máy tính LCD kích thước ≥ 21 inch - Máy in màu: <ul style="list-style-type: none"> + Độ phân giải: $\geq 5760 \times 1440$ dpi + Tốc độ in: ≥ 15 trang/ phút + In phun màu - Máy in nhiệt đen trắng: <ul style="list-style-type: none"> + Độ phân giải: ≥ 300 dpi + Khổ giấy in: 110 mm + In nhiệt <p>4. Yêu cầu khác:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian bảo hành: 12 tháng kể từ ngày thiết bị được nghiệm thu. 		

MẪU BÁO GIÁ

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của.... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Thông số kỹ thuật	Hãng SX/Nước SX	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (có VAT)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế, lệ phí (nếu có)	Thành tiền (có VAT)
1												
n	...											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.....ngày, kể từ ngày ký báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện của hãng sản xuất/nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

MẪU BÁO GIÁ

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... [ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá], chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các hàng hóa, thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Tên hàng hóa	Tên thương mại	Ký, mã, nhãn hiệu, model	Thông số kỹ thuật	Hãng SX/Nước SX	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (có VAT)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế, phí, lệ phí (nếu có)	Thành tiền (có VAT)
1												
n	...											

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng:.....ngày, kể từ ngày ký báo giá.

3. Chúng tôi cam kết:

- Thực hiện đúng, đủ theo phần “Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật” của phần “Danh mục hàng hóa (kèm theo công văn số: /BVĐKCL-VTTBYT ngày tháng 01 năm 2026)”

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện của hãng sản xuất/nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))